

Số: /TTr-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính Phủ ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Chính phủ giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể các mức thu học phí tại các Điều, Khoản, điểm như sau:

+ Tại Khoản 3, Điều 4: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập”.

+ Tại điểm a, Khoản 2, Điều 9 Khung học phí năm học 2022 - 2023: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí”.

+ Tại Khoản 5, Điều 9: “Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành”.

+ Tại Khoản 6, Điều 9: “Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn”.

Hiện nay mức thu học phí đối cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đang áp dụng theo Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc năm học 2021 - 2022.

Từ các căn cứ trên, để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Chính phủ và điều kiện kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang, việc ban hành mức thu học phí là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành, làm cơ sở pháp lý cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh áp dụng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội thực tế của tỉnh.

2. Quan điểm

Mức thu học phí được xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữa nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo theo quy định và bảo đảm chất lượng giáo dục.

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Trung ương, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng Tờ trình dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, đăng tải, tổng hợp gửi Sở Tư pháp thẩm định,... đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 4 Điều cụ thể.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên đang học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

2.2. Nội dung dự thảo Nghị quyết

a) Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026.

ĐVT: Đồng/tháng/người

Stt	Năm học	Học phí	
		Khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố)	Khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố)
I. Đối với học trực tiếp			
1. Cấp mầm non			
-	2022 - 2023	330.000	110.000
-	2023 - 2024	350.000	120.000
-	2024 - 2025	370.000	130.000
-	2025 - 2026	390.000	140.000
2. Cấp tiểu học			
-	2022 - 2023	300.000	100.000
-	2023 - 2024	320.000	110.000
-	2024 - 2025	340.000	120.000
-	2025 - 2026	360.000	130.000
3. Cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	300.000	100.000
-	2023 - 2024	320.000	110.000
-	2024 - 2025	340.000	120.000
-	2025 - 2026	360.000	130.000
4. Cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	320.000	200.000
-	2023 - 2024	340.000	210.000

-	2024 - 2025	360.000	220.000
-	2025 - 2026	380.000	230.000
I. Đối với học trực tuyến (học online)			
1. Cấp mầm non			
-	2022 - 2023	165.000	55.000
-	2023 - 2024	175.000	65.000
-	2024 - 2025	185.000	70.000
-	2025 - 2026	195.000	75.000
2. Cấp tiểu học			
	2022 - 2023	150.000	50.000
	2023 - 2024	160.000	55.000
	2024 - 2025	170.000	60.000
-	2025 - 2026	180.000	65.000
3. Cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	150.000	50.000
-	2023 - 2024	160.000	55.000
-	2024 - 2025	170.000	60.000
-	2025 - 2026	180.000	65.000
4. Cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	160.000	100.000
-	2023 - 2024	170.000	105.000
-	2024 - 2025	180.000	110.000
-	2025 - 2026	190.000	115.000

b) Đối với các trường có phân hiệu, điểm phụ, mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) được xác định tại các địa điểm học tập của học sinh.

c) Trường hợp học trực tuyến (học online) thì mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) bằng 50% mức thu mức học phí theo từng cấp học quy định tại khoản 1 điều này.

d) Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); Không thu giá dịch vụ giáo dục (học phí) trong thời gian không tổ chức dạy học. Đối với các tháng có thời gian học thực tế (bao gồm cả thời gian dạy học trực tuyến, bố trí học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau:

- Thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu 1/2 tháng;

- Thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng.

e) Các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng thụ hưởng và nội dung không có trong Nghị quyết này được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học

tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

f) Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cấp Tiểu học tại khoản 1 điều này là mức để làm căn cứ hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.

g) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, NCTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HẬU GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/NQ-HĐND Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ BẢY

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thi, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập và học viên đang học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026

1. Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và giáo dục thường xuyên từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026.

ĐVT: Đồng/tháng/người

Stt	Năm học	Học phí	
		Khu vực thành thị (gồm các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố)	Khu vực nông thôn (gồm các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố)
I. Đối với học trực tiếp			
1. Cấp mầm non			
-	2022 - 2023	330.000	110.000
-	2023 - 2024	350.000	120.000
-	2024 - 2025	370.000	130.000
-	2025 - 2026	390.000	140.000
2. Cấp tiểu học			
-	2022 - 2023	300.000	100.000
-	2023 - 2024	320.000	110.000
-	2024 - 2025	340.000	120.000
-	2025 - 2026	360.000	130.000
3. Cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	300.000	100.000
-	2023 - 2024	320.000	110.000
-	2024 - 2025	340.000	120.000
-	2025 - 2026	360.000	130.000
4. Cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	320.000	200.000
-	2023 - 2024	340.000	210.000
-	2024 - 2025	360.000	220.000
-	2025 - 2026	380.000	230.000
I. Đối với học trực tuyến (học online)			
1. Cấp mầm non			
-	2022 - 2023	165.000	55.000
-	2023 - 2024	175.000	65.000

-	2024 - 2025	185.000	70.000
-	2025 - 2026	195.000	75.000
2. Cấp tiểu học			
	2022 - 2023	150.000	50.000
	2023 - 2024	160.000	55.000
	2024 - 2025	170.000	60.000
-	2025 - 2026	180.000	65.000
3. Cấp trung học cơ sở và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	150.000	50.000
-	2023 - 2024	160.000	55.000
-	2024 - 2025	170.000	60.000
-	2025 - 2026	180.000	65.000
4. Cấp trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên			
-	2022 - 2023	160.000	100.000
-	2023 - 2024	170.000	105.000
-	2024 - 2025	180.000	110.000
-	2025 - 2026	190.000	115.000

2. Đối với các trường có phân hiệu, điểm phụ, mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) được xác định tại các địa điểm học tập của học sinh.

3. Trường hợp học trực tuyến (học online) thì mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) bằng 50% mức thu mức học phí theo từng cấp học quy định tại khoản 1 điều này.

4. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); Không thu giá dịch vụ giáo dục (học phí) trong thời gian không tổ chức dạy học. Đối với các tháng có thời gian học thực tế (bao gồm cả thời gian dạy học trực tuyến, bố trí học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau:

- Thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu 1/2 tháng;

- Thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng.

5. Các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng thụ hưởng và nội dung không có trong Nghị quyết này được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

6. Mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cấp Tiểu học tại khoản 1 điều này là mức để làm căn cứ hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức giá dịch vụ giáo dục (học phí) đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TPHCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền